



NGOẠI GIAO THỜI KỲ ĐỔI MỚI - MỘT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG CỦA NỀN NGOẠI GIAO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

NGUYỄN MẠNH CẨM *

THÁNG 9-1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc, đồng thời cũng đặt nền móng cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại - ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh. Bản tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình là thông điệp ngoại giao quan trọng đầu tiên khẳng định với toàn thế giới "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập" (1).

Là nước thuộc địa đầu tiên đứng lên tự giải phóng, giành độc lập tự do, Việt Nam đã sớm đề ra đường lối ngoại giao để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ nền độc lập còn non trẻ và xác định vị trí xứng đáng của mình trong cộng đồng quốc tế. Tháng 11-1945, hơn 2 tháng sau ngày Cách mạng thành công, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị: "kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc "bình đẳng và tương trợ". Phải đặc biệt... làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết" (2). Cũng với tinh thần đó, "Thông báo về ngoại giao" của

Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa khẳng định: "Người Việt Nam gác sang một bên tất cả những khác biệt trong quan điểm chính trị, đoàn kết với nhân dân các nước, tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ của nhau, duy trì hòa bình, ổn định giữa các nước trong khu vực và thế giới, thực hiện độc lập dân tộc, tôn trọng công lý và pháp luật quốc tế" (3).

Đó là những nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, định hướng cho các hoạt động thực tiễn của chúng ta ở mọi giai đoạn phát triển đất nước.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, ngoại giao đã góp phần vừa làm sáng tỏ trước nhân dân toàn thế giới chính nghĩa dân tộc, vừa khẳng định

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 4, tr 4

(2) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 8, tr 27

(3) Bộ Ngoại giao: *Những văn bản chính của Hội nghị Giơ-ne-vơ*, Hà Nội, 1955

quyết tâm "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (4), "dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập", vừa thể hiện nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngoại giao đã trở thành một mặt trận phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp, giành thắng lợi từng bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn, bảo vệ trọn vẹn nền độc lập của dân tộc, thực hiện thống nhất Tổ quốc, thu giang sơn về một mối, đưa đất nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Sau ba mươi năm chiến đấu liên tục, đất nước mới hoàn toàn giải phóng, Việt Nam đã phải lập tức đối phó với một cuộc chiến tranh mới - chiến tranh biên giới Tây Nam do bè lũ Pôn Pốt phát động. Để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh của chính mình, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với lực lượng vũ trang Mặt trận cứu nước Cam-pu-chia, tiêu diệt bè lũ Pôn Pốt đến tận sào huyệt. Vấn đề Cam-pu-chia lôi cuốn sự quan tâm của các nước trong khu vực và dần dần của nhiều nước trên thế giới kể cả các nước lớn. Do hiểu không đúng thiện ý của Việt Nam và lo sợ chiến tranh lan rộng sang nước mình, các nước khu vực đã phản ứng gay gắt và đòi Việt Nam rút quân khỏi Cam-pu-chia. Còn các thế lực thù địch nhân dịp này siết chặt bao vây, cấm vận, gây sức ép mạnh mẽ làm suy yếu Việt Nam.

Trước tình hình đó, nhiệm vụ trung tâm của ngoại giao Việt Nam là đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch, phối hợp chặt chẽ với Lào và Cam-pu-chia trong các hoạt động quốc tế tìm giải pháp hợp lý cho vấn đề

Cam-pu-chia, đồng thời cùng bạn bè quốc tế giúp nhân dân Cam-pu-chia khắc phục hậu quả của chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới toàn diện mà Nghị quyết Đại hội VI đã nêu, tháng 8-1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã đánh giá tình hình quốc tế và khu vực, kiểm điểm với tinh thần thực sự cầu thị hoạt động đối ngoại trong thời gian hơn 10 năm kể từ ngày nước nhà thống nhất, trên cơ sở đó thông qua Nghị quyết 13 nhấn mạnh chủ trương "thêm bạn, bớt thù", đồng thời đề cập vấn đề rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Cam-pu-chia nhằm tạo điều kiện xúc tiến việc tìm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia. Nghị quyết còn chủ trương thúc đẩy việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và phấn đấu cải thiện từng bước quan hệ với Hoa Kỳ.

Cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và thay đổi một cách căn bản. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tác động sâu sắc đến toàn bộ tình hình thế giới. Cuộc khủng hoảng của phong trào cộng sản lại càng thêm nghiêm trọng; phong trào độc lập dân tộc, phong trào đấu tranh cho dân sinh, dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản gặp khó khăn. Trật tự thế giới hai cực hình thành từ sau chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt. Thế giới bước sang một thời kỳ quá độ tiến tới một trật tự thế giới mới chưa được xác định với những chiều hướng trái ngược phát triển xen kẽ nhau.

Trong tình hình quốc tế diễn biến bất lợi đó, tháng 6-1991, Đảng ta họp Đại hội lần thứ VII đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế" với phương châm "Việt Nam

(4) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 4, tr 480

muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" (5). Đại hội còn xác định nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại là "giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" (6).

Tháng 6-1992, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII họp Hội nghị lần thứ 3, đã cụ thể hóa đường lối đó. Hội nghị đã nêu bật tư tưởng chỉ đạo của hoạt động đối ngoại là "giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có quan hệ" (7). Hội nghị còn đề ra bốn phương châm xử lý các vấn đề quốc tế trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII, các Nghị quyết Trung ương và Bộ Chính trị về đối ngoại, ngoại giao Việt Nam đã góp phần đưa đất nước ra khỏi khó khăn, từng bước nâng cao vị thế trong cộng đồng quốc tế.

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của ngoại giao lúc này là kiên quyết đấu tranh, ra sức giải tỏa bao vây, cấm vận, phá thế bị cô lập, chủ động tranh thủ càng nhiều bạn càng tốt, giảm bớt kẻ thù, mở rộng hợp tác, góp phần đưa nước ta nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

Lúc này trên thế giới, lực lượng sản xuất đã quốc tế hóa cao độ, phân công lao động đi vào chuyên môn hóa ngày càng sâu và càng chi tiết. Tình hình mới đặt các quốc gia trước yêu cầu tập trung nỗ lực chủ yếu vào phát triển

kinh tế, xây dựng đất nước và ra sức giành cho mình vị thế thuận lợi nhất trong phân công lao động quốc tế. Nắm bắt đặc điểm này của tình hình, ngoại giao Việt Nam đã chuyển hướng mạnh sang phục vụ kinh tế, tạo môi trường hòa bình ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi, tranh thủ sự hợp tác của các nước, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Kết hợp ngoại giao chính trị với kinh tế, chúng ta đã mở rộng quan hệ thương mại với trên 150 nước, nâng kim ngạch xuất khẩu lên xấp xỉ với tổng sản phẩm quốc nội; thúc đẩy hợp tác kinh tế với các nước, tranh thủ đầu tư trực tiếp của các tập đoàn, các công ty của 69 nước và vùng lãnh thổ với số vốn đăng ký khoảng 45 tỉ đô la và gần 5.000 dự án lớn nhỏ rải ra trên 100 khu công nghiệp và khu chế xuất. Từ năm 1993 đến nay, ta còn tranh thủ được hơn 26 tỉ đô la viện trợ phát triển chính thức của gần 50 nước và định chế tài chính - tiền tệ quốc tế.

Trong triển khai đường lối đối ngoại, Việt Nam luôn coi trọng và ưu tiên thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng cùng chung biên giới, cùng trong khu vực; chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại để cải thiện quan hệ với các nước này.

Trọng tâm hoạt động đối ngoại ở thời điểm này là tích cực góp phần vào việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng một giải pháp chính trị. Việc giải quyết chính trị vấn đề Cam-pu-chia là khâu đột phá quan trọng trong quá trình triển khai đường lối đối ngoại của ta. Theo tinh thần các Nghị quyết 85 và 86 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về đổi mới quan hệ với Cam-pu-chia và Lào, sau khi hòa bình được lập lại ở Cam-pu-chia, Việt Nam đã

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 147

(6), (7) Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 325, tr 326

nhanh chóng thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác với Cam-pu-chia và tiếp tục củng cố hợp tác toàn diện với Lào. Ba tháng sau khi Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia được ký kết, nhận lời mời của Hoàng thân Xi-ha-núc, Chủ tịch Hội đồng dân tộc tối cao Cam-pu-chia (SNC), Bộ trưởng Ngoại giao nước ta đã sang thăm Cam-pu-chia. Trong dịp này, hai bên đã ra Thông cáo chung nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa quan hệ truyền thống Việt Nam - Cam-pu-chia bước sang giai đoạn mới, xây dựng mối quan hệ láng giềng thân thiện giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực, giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ giữa hai nước bằng con đường hòa bình, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình⁽⁸⁾.

Sau cuộc gặp cấp cao Thành Đô (9-1990) và việc tìm kiếm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia đi dần vào giai đoạn kết thúc, quá trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung được xúc tiến nhanh. Tháng 11-1991, quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc được khôi phục. Thông cáo chung khẳng định hai nước Việt Nam và Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện trên cơ sở 5 nguyên tắc: "tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình. Hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ khôi phục quan hệ bình thường trên các nguyên tắc độc lập, tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau"⁽⁹⁾.

Từ đó, quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước được khôi

phục và phát triển nhanh chóng, đặc biệt là quan hệ chính trị và thương mại. Hàng năm đều có các cuộc gặp cấp cao giữa hai nước, đồng thời các ngành, các cấp tăng cường cử đoàn đi thăm lẫn nhau, nghiên cứu tình hình, trao đổi kinh nghiệm. Từ tháng 2-1992, hai bên đã lần lượt mở 21 cửa khẩu trên bộ thuộc tuyến biên giới, nối lại đường sắt và đường hàng không, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, hợp tác giữa hai nước. Hai bên đã ký gần 50 hiệp định và thỏa thuận cấp nhà nước, không kể các thỏa thuận ký kết giữa các ngành, các địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn, Trung Quốc đã trở thành một đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam; buôn bán hai chiều tăng bình quân 20%/năm, từ 266 triệu đô la (năm 1992) lên hơn 5 tỉ đô la (năm 2004).

Qua hơn 7 năm đàm phán, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ (30-12-1999) và Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ (15-12-2000). Như vậy, giữa Việt Nam và Trung Quốc, hai trên ba vấn đề biên giới lãnh thổ đã được giải quyết. Còn lại vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa, tại Nghị quyết phê chuẩn Công ước Luật Biển năm 1982, Quốc hội một lần nữa "khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo" và nhấn mạnh lại chủ trương giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Ngay sau khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Cam-pu-chia được ký

(8), (9) *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000, Sđd*, tr 340 - 345

kết, ta đã chủ động đến với các nước láng giềng ở khu vực, cải thiện quan hệ, thúc đẩy hợp tác và trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau. Ta đã đặt vấn đề sẵn sàng gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Tháng 7-1992, ta trở thành quan sát viên và tháng 7-1995 trở thành thành viên chính thức thứ 7 của ASEAN. Chỉ sau 3 năm gia nhập ASEAN, ta đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6. Cống hiến quan trọng của Hội nghị này là đã thông qua Tuyên bố Hà Nội và đặc biệt là Chương trình hành động Hà Nội, một chương trình lớn tổng hợp các phương hướng hoạt động của các nước thành viên và các nước đối thoại trong 2 năm cuối của thế kỷ XX và 4 năm đầu của thế kỷ XXI để thực hiện *Tầm nhìn ASEAN 2020*. Tại Hội nghị, Lào và Mi-an-ma được kết nạp vào ASEAN và 5 tháng sau, lễ kết nạp Cam-pu-chia cũng được tổ chức tại Hà Nội. Như vậy là tại Hà Nội, ASEAN đã mở rộng thành ASEAN 10, bao gồm tất cả các nước trong khu vực, biến ước mơ của các nhà sáng lập Hiệp hội thành sự thật. Trong khuôn khổ ASEAN, các nước trong khu vực đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để phát triển, đẩy lùi xa về quá khứ thời kỳ các nước trong khu vực chia làm hai nhóm đối địch nhau.

Nhận thức rõ vai trò và tác động của các nước lớn đối với tình hình quốc tế, ta đã quan tâm thúc đẩy quan hệ với các nước này. Tiếp theo việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, thực hiện Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị khóa VI, Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, ta kiên trì tiến hành từng bước bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Xuất phát từ tinh thần nhân đạo cao cả, ta đã giải quyết tốt vấn đề tìm kiếm và trao trả hài cốt người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam (POW/MIA). Việc giải quyết tốt

vấn đề POW/MIA đã được dư luận, chính quyền Hoa Kỳ đánh giá cao và biểu thị lòng biết ơn và góp phần thúc đẩy quá trình cải thiện quan hệ dẫn tới việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước vào tháng 7-1995.

Với việc bình thường hóa quan hệ và thiết lập quan hệ ngoại giao, trao đổi Đại sứ với Hoa Kỳ, lần đầu tiên ta có quan hệ với tất cả các nước lớn trên thế giới, với tất cả các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Điều đó cũng nói lên vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Do những hoạt động dồn dập, tích cực theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, tháng 7-1995, chỉ trong một tháng đã diễn ra 3 sự kiện quan trọng: ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu sau 3 năm đàm phán (15-7); bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (11-7) và chính thức gia nhập ASEAN (28-7), nói lên thắng lợi trên các hướng chính của hoạt động ngoại giao thời kỳ đổi mới.

Trong quá trình triển khai đường lối đối ngoại đa phương hóa, chúng ta một mặt củng cố quan hệ với những nước vốn có quan hệ truyền thống, mặt khác chủ động thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước ở khắp các châu lục, thúc đẩy sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Nếu trong thời gian 42 năm trước, kể từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, ta có quan hệ ngoại giao với 112 nước, thì chỉ trong 12 năm đổi mới, ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 55 nước, trong đó có 15 nước châu Đại Dương, 6 nước châu Mỹ, 13 nước châu Âu, 13 nước châu Phi và 8 nước châu Á, nâng tổng số quốc gia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam lên 167 nước.

Cùng với việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước, chúng ta đã sớm bình thường hóa quan hệ với các định chế tài chính - tiền tệ quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF),

Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)..., những tổ chức có vai trò quan trọng hỗ trợ ta trong quá trình phát triển. Trong những năm qua, các tổ chức tài chính này đã dành cho ta những khoản viện trợ ưu đãi đáng kể để thực hiện những dự án và chương trình cần thiết trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và lợi ích của ta.

Quan hệ càng được mở rộng, bạn bè càng nhiều thêm thì mặc nhiên vòng vây cấm vận bị phá vỡ và đó cũng là một nhân tố thúc đẩy Hoa Kỳ tuyên bố bỏ cấm vận và tiếp đó bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Công tác ngoại giao thời kỳ đổi mới được triển khai giữa lúc trên thế giới xu thế toàn cầu hóa và cùng với nó là xu thế hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày một sâu rộng như những xu thế tất yếu, khoa học và công nghệ đang không ngừng phát triển, lực lượng sản xuất được quốc tế hóa cao độ, kinh tế thị trường ngày càng phổ biến.

Nhận thức rõ điều đó, Việt Nam đã chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo từng bước tuần tự, vững chắc, từ hội nhập khu vực đến hội nhập liên khu vực, liên châu lục và cuối cùng là hội nhập toàn cầu. Tiếp theo việc gia nhập ASEAN vào tháng 7-1995, đầu năm 1996, Việt Nam tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); là một trong những sáng lập viên của Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) tháng 3-1996; trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tháng 11-1998 và hiện đang đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thực hiện hội nhập ở phạm vi rộng hơn, với mức độ sâu hơn. Là cầu nối giữa đất nước với thế giới, giữa dân tộc với quốc tế, ngoại giao đã và đang là đội quân tiên phong của quá trình hội nhập, với nhận thức hội nhập nhưng giữ vững độc lập tự chủ, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc và định hướng

xã hội chủ nghĩa, hội nhập để phát triển, trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp nội lực với ngoại lực tạo thành sức mạnh tổng hợp theo phương châm "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại" bảo đảm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, củng cố nền kinh tế độc lập tự chủ, bảo đảm cho đất nước phát triển ổn định và bền vững. Như trên đã nói, 3 năm sau khi gia nhập ASEAN, ta đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN với Chương trình hành động Hà Nội lịch sử; năm 2004 tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEM lần thứ 5 và năm 2006 ta sẽ đăng cai Hội nghị Cấp cao APEC. Trước đó, tháng 11-1997, trong khi kinh nghiệm chưa nhiều, điều kiện vật chất còn hạn chế, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao lần thứ 7 Cộng đồng các quốc gia có sử dụng tiếng Pháp. Đây là Hội nghị Cấp cao có quy mô lớn đầu tiên được tổ chức ở Việt Nam với 53 đoàn và của 49 nước thành viên. Đóng góp quan trọng của Hội nghị Cấp cao Hà Nội là mở rộng sự hợp tác của cộng đồng từ chính trị, văn hóa sang cả lĩnh vực kinh tế.

Sự tham gia nghiêm túc và năng động của ta tại các diễn đàn đa phương, trong các tổ chức quốc tế từ Liên hợp quốc đến Phong trào không liên kết, từ Cộng đồng các quốc gia có sử dụng tiếng Pháp đến nhóm G 77, từ các tổ chức liên chính phủ đến các tổ chức phi chính phủ; cũng như việc chúng ta tích cực góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu đã nâng cao vai trò và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Không phải ngẫu nhiên mà Việt Nam được các nước tín nhiệm cử giữ các chức vụ quan trọng tại các kỳ họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc, được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC) của Liên hợp quốc - cơ quan lớn và quan trọng thứ hai sau Hội đồng Bảo an, vào Ban điều hành Chương trình phát triển của

Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ dân số thế giới (UNFPA), Ủy ban quyền con người của Liên hợp quốc v.v.. Để phát huy hơn nữa vị thế của mình, Việt Nam đã bắt đầu vận động để ứng cử làm thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008 - 2009.

Trong những năm qua, ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan đấu tranh chống ý đồ dùng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền" và "tôn giáo", gây sức ép hòng can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta, áp đặt "mô hình dân chủ" xa lạ với điều kiện nước ta.

Tùy từng đối tượng khi kiên quyết đấu tranh, lúc giải thích, thuyết phục, chúng ta đã nói rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về các vấn đề dân chủ, nhân quyền. Với cách xử thế như vậy, ta đã tranh thủ được sự hiểu biết và sự đồng tình của dư luận quốc tế nên gạt bỏ được ý đồ, bác bỏ những dự thảo nghị quyết mưu toan vu khống và bôi nhọ ta do các lực lượng thù địch đưa ra tại các diễn đàn quốc tế.

Hoạt động ngoại giao thời kỳ đổi mới không những đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia - một nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên của ngoại giao, mà còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì một trật tự thế giới mới công bằng và hợp lý.

Gần 20 năm qua, trên cơ sở phát huy những thành tựu to lớn và vô cùng quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đời sống xã hội, nhận thức rõ trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước giao phó trong thời kỳ tình hình quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp khôn lường, ngoại giao đã phấn đấu không ngừng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế và vai trò của nước ta trên trường quốc tế.

*

* *

Thắng lợi của ngoại giao trong 60 năm qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại. Đó là kết quả của tư duy biện chứng của Đảng ta trước những chuyển biến quan trọng của tình hình quốc tế, trước những yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng mọi lợi ích của dân tộc ở từng giai đoạn cách mạng.

Nhân tố có ý nghĩa quyết định đầu tiên bảo đảm thành công trên mặt trận ngoại giao là việc phát huy tinh thần độc lập, tự chủ. Độc lập tự chủ không đồng nghĩa với dân tộc hẹp hòi, càng tuyệt đối không phải là biệt lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt của từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân. Cũng như sự nghiệp cách mạng nói chung, hoạt động ngoại giao phải quán triệt tinh thần dựa vào sức mình là chính, phải có tư duy độc lập, biết tiếp thu kinh nghiệm và trí tuệ của các dân tộc nhưng phải ứng dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của nước mình, tự mình quyết định đường lối chủ trương và hành động của mình. Ngoại giao hiện đại ra đời trong bão táp Cách mạng Tháng Tám; sức mạnh của nó là ở sự kế thừa lịch sử, văn hóa và ngoại giao của dân tộc với bản chất cách mạng, hòa bình, hòa hiếu, chính nghĩa, thủy chung với bạn bè, khoan dung với đối thủ, đã chắt lọc được những giá trị để làm giàu thêm cho mình, tạo dựng cho mình dấu ấn riêng trong một thời đại đáng ghi nhớ của nhân loại và của dân tộc.

Thực tế chứng minh rằng do nắm bắt xu thế của thời đại, quy luật vận động của quan hệ quốc tế, kết hợp với tư duy thực tiễn và biện chứng, Đảng và Nhà nước ta đã hướng ngoại giao xác định đúng mục tiêu và chính sách trong từng giai đoạn lịch sử; trong kháng chiến cũng như trong hòa bình; ở giai đoạn phát triển bình thường cũng như trong thời kỳ đổi mới. Hoạt động đối ngoại nói chung và ngoại giao nói riêng phải được tiến hành hết sức linh hoạt trên cơ sở vừa xuất phát từ tình hình yêu cầu của đất nước, vừa căn cứ vào sự biến chuyển của tình hình thế giới, đặc biệt là những đảo lộn sâu sắc, nhanh chóng và phức tạp những năm qua. Đây là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao, bởi ngoại giao là một khoa học và cũng là một nghệ thuật; ngoại giao phản ánh thời đại, mang hơi thở của thời đại, ghi dấu ấn của thời đại và góp phần làm nên thời đại.

Cũng như trong kháng chiến, trong xây dựng hòa bình, ngoại giao đã thực hiện tốt vai trò cầu nối gắn liền sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp hùng mạnh, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống. Với nguyên tắc này, trong thời chiến, ta đã làm thất bại những kẻ thù mạnh hơn mình gấp bội. Ở thời bình xây dựng, tuy sức mạnh vật chất còn yếu, trình độ phát triển còn thấp, đất nước còn nghèo, song ta đã tạo được thế và lực chưa từng có, trở thành một đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế.

Kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, phát huy truyền thống hòa hiếu của cha ông là di sản quý báu, là đạo lý của dân tộc và cũng là đặc tính của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Ngày nay, tư tưởng lớn này bắt gặp xu thế lớn là "hòa bình, hợp tác và phát triển", phản ánh nguyện vọng bức xúc của các dân tộc và được thể hiện nhất quán trong tư duy và trong hoạt động thực tiễn của ta với phương châm "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác

tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế".

Ngày nay, trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế phát triển mạnh mẽ, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, lợi ích đan xen, đối tượng hợp tác ngày càng đông đảo, đa dạng với những yêu cầu, lợi ích và trình độ phát triển khác nhau, thì chính sách và hoạt động ngoại giao lại càng phải hết sức linh hoạt, phù hợp với từng đối tác, từng đối tượng, từng lúc, từng nơi, trên cơ sở bảo đảm lợi ích dân tộc, lấy lợi ích dân tộc làm chuẩn mực, làm thước đo, để quyết định chủ trương, xác định chính sách, đồng thời không để quan hệ giữa nước ta với nước này làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước ta với những nước khác, luôn quan tâm tạo môi trường thuận lợi không những để bảo vệ lợi ích đất nước, độc lập chủ quyền quốc gia mà còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, ổn định và hợp tác, vì độc lập và tiến bộ xã hội.

Nhìn lại chặng đường đã qua đầy gian lao vất vả nhưng rực rỡ chiến công, với một đội ngũ ngày càng trưởng thành và tiếp tục được bồi dưỡng cả về phẩm chất, năng lực chuyên môn lẫn tác phong công tác, chúng ta có thể tự hào về những gì đã làm được, từ đó củng cố quyết tâm, kiên trì nguyên tắc, nắm vững đường lối chiến lược, vận dụng linh hoạt và sáng tạo sách lược theo phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" mà Bác Hồ đã dạy, ra sức phát huy bài học "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại", quyết tâm phấn đấu giành những thắng lợi mới, góp phần xứng đáng vào việc xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng các nước trong cộng đồng quốc tế, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp hòa bình, phát triển và tiến bộ xã hội trên thế giới. □